

Số: 12/2025/QĐST-LĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 8 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Phạm Thị Thanh Nga

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Trần Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 145/2025/TLST-LĐ ngày 28 tháng 5 năm 2025, về việc: “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 497/2025/QĐST-LĐ ngày 16 tháng 7 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- ***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*** Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1988 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: Xã T, huyện T (nay là xã B), tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ: Số B, Khu phố D, phường L, thành phố B (nay là phường L), tỉnh Đồng Nai.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Nguyễn Thị M;

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện N (nay là xã N), tỉnh Đồng Nai.

2. Công ty TNHH A (S)

Trụ sở: Tầng 8 trong nhà xưởng cao tầng – Lô A, đường B, Khu chế xuất S, phường L, thành phố T (nay là phường L), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

****Người yêu cầu bà Nguyễn Thị N trình bày:*** Tháng 11 năm 2008, bà Nguyễn Thị N có cho người em là bà Nguyễn Thị M mượn chứng minh nhân dân để ký Hợp đồng lao động làm việc tại Công ty TNHH A (S); địa chỉ: Tầng H trong N1 - Lô A, đường B, Khu chế xuất S, phường L, thành phố T (nay là phường L), Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình làm việc tại Công ty TNHH A (S) bà M được Công ty Đ từ thời điểm tháng 11/2008 đến tháng 01/2010 với mã số 7908512020 nhưng thông tin người lao động tại sổ là bà N.

Cùng thời điểm đó bà Nguyễn Thị N cũng đang làm việc tại Công ty TNHH D có địa chỉ tại: Số H Đại lộ Đ, Khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương và được Công ty Đ với mã số 9107008256.

Đến năm 2024, sau khi nghỉ việc tại Công ty TNHH M1 bà N có đi làm thủ tục để hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội thì bà N được Cơ quan bảo hiểm xã hội trả lời là quá trình đóng bảo hiểm xã hội của bà N bị trùng với một người khác vào thời điểm từ tháng 11/2008 đến tháng 01/2010 theo Hợp đồng lao động tại Công ty TNHH A (S) nên bà N không thực hiện được thủ tục hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định pháp luật.

Nay bà Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố Hợp đồng lao động ký kết giữa bà Nguyễn Thị N và Công ty TNHH A (S) từ tháng 11/2008 đến tháng 01/2010 là vô hiệu do trái quy định pháp luật để bà N được giải quyết nhận tiền bảo hiểm theo đúng quy định của pháp luật.

Về hậu quả pháp lý của Hợp đồng vô hiệu: Bà N không không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý từ việc tuyên hợp đồng lao động vô hiệu.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị M có bản tự khai trình bày:* Bà M xác nhận toàn bộ nội dung trình bày của bà Nguyễn Thị N về việc mượn chứng minh nhân dân, thông tin cá nhân của bà N để ký kết Hợp đồng lao động tại Công ty TNHH A (S) là đúng. Năm 2008, bà M có mượn Chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1988 để ký Hợp đồng lao động với Công ty TNHH A (S), có địa chỉ: Tầng H trong nhà xưởng cao tầng – Lô A, đường B, Khu chế xuất S, phường L, thành phố T (nay là phường L), Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình làm việc tại Công ty bà M có tham gia đóng bảo hiểm xã hội với mã số 7908512020.

Đến tháng 01/2010, bà M nghỉ việc tại Công ty TNHH A (S). Do thời gian quá lâu nên bà M cũng không nhớ rõ số Hợp đồng lao động mà bà M đã ký với Công ty TNHH A (S) nhưng bà M xác nhận là đã hưởng Bảo hiểm xã hội một lần cho quá trình đóng bảo hiểm này. Đối với yêu cầu của bà N yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị N và Công ty TNHH A (S) thời gian từ tháng 11/2008 đến tháng 01/2010 là vô hiệu thì bà M đồng ý và không có ý kiến gì khác.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Công ty TNHH A (S):* Trong quá trình giải quyết hồ sơ việc dân sự, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án cho Công ty TNHH A (S) nhưng Công ty TNHH A không đến Tòa án, cũng không gửi văn bản trả lời về nội dung yêu cầu của người yêu cầu nên Tòa án tiến hành giải quyết hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp ngày 07/8/2025, người yêu cầu – bà Nguyễn Thị N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị M có đơn xin vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Công ty TNHH A (S) vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh đã thụ lý, mở phiên họp xét việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị N, tuyên bố Hợp đồng lao động ký giữa bà Nguyễn Thị N và Công ty TNHH A (S) từ tháng 11/2008 đến tháng 01/2010 là vô hiệu toàn bộ. Về hậu quả của hợp đồng lao động bị vô hiệu đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và Đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu về việc “Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu” là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Người lao động và Công ty TNHH A) ký hợp đồng lao động tại trụ sở Công ty tại phường L, quận T (nay là phường L), Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025), vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh

[2] Về thủ tục tố tụng:

Người yêu cầu – bà Nguyễn Thị N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị M có đơn xin vắng mặt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH A (S) đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên họp giải quyết việc dân sự nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Trong quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ thì người yêu cầu – bà Nguyễn Thị N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị M đều không xuất trình được hợp đồng lao động bằng văn bản được ký kết giữa bà Nguyễn Thị N và Công ty TNHH A (S). Công ty TNHH A (S) không tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh và không cung cấp tài liệu, chứng cứ, bao gồm hợp đồng lao động xác lập giữa Công ty TNHH A (S) và bà Nguyễn Thị N. Trên cơ sở ý kiến trình bày của các đương sự và xác nhận quá trình đóng bảo hiểm xã hội của Bảo hiểm xã hội thành phố T có cơ sở xác

định giữa Công ty TNHH A (S) và bà Nguyễn Thị N có giao kết hợp đồng lao động, hợp đồng lao động được các bên giao kết hoàn toàn tự nguyện

[3.2] Theo Công văn số 519/BHXXH-TST ngày 27/6/2025 của Bảo hiểm xã hội thành phố T cung cấp thông tin: *Căn cứ dữ liệu đang quản lý, bà Nguyễn Thị N (sinh năm 1988, số BHXH 7908512020, số CMND 186569776), có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH A từ tháng 11/2008 đến tháng 01/2010” và người lao động Nguyễn Thị N, sinh năm 1988, số số BHXH 9107008256, số CMND 186569776 có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công TNHH D từ tháng 01/2007 đến tháng 4/2014.*

Như vậy, cùng thời điểm từ tháng 11/2008 đến tháng 01/2010, bà Nguyễn Thị N có 02 mã số BHXH và lao động tại hai Công ty là Công ty TNHH A (S) và Công ty TNHH D (Đ). Do đó, có cơ sở xác định trình bày của bà N về việc bà M sử dụng chứng minh nhân dân của bà N để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH A (S) trong khoảng thời gian tháng 11/2008 đến tháng 01/2010 là đúng. Việc bà Nguyễn Thị M sử dụng thông tin cá nhân của bà Nguyễn Thị N để tham gia lao động tại Công ty TNHH A (S) là vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 30 của Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2002, năm 2006, năm 2007), vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị N về việc tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị N và Công ty TNHH A (S) trong khoảng thời gian tháng 11/2008 đến tháng 01/2010 theo sổ bảo hiểm xã hội mã số 7908512020 là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động.

Về hậu quả pháp lý của việc tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ: Bà Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý từ việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ nên Tòa án án không xem xét.

[3] Về lệ phí Lao động sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N tự nguyện chịu lệ phí lao động sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 5, khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 361, Điều 401, khoản 5 Điều 402, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, và Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 371, Điều 372, Điều 373 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1, khoản 4 Điều 30 của Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2002, năm 2006, năm 2007);

- Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, năm 2022;

- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị N:

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị N và Công ty TNHH A (S) trong khoảng thời gian tháng 11/2008 đến tháng 01/2010 theo sổ bảo hiểm xã hội mã số 7908512020 là vô hiệu.

Về hậu quả pháp lý của việc tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ: Bà Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý từ việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu nên Tòa án án không xem xét.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn Thị N tự nguyện chịu lệ phí lao động sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí mà bà N đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/25P 0000168 ngày 27/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh). Bà Nguyễn Thị N đã nộp đủ.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Thời hạn kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị M và Công ty TNHH A (S) là 10 (mười) ngày, kể từ ngày quyết định được tổng đạt hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh đối với Quyết định này là 10 (mười) ngày và của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 2- TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 – TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu: hồ sơ việc dân sự.

Phạm Thị Thanh Nga